

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 03/5/2019.

Về việc: “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Hùng

2. Bà Lê Thị Thường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham dự phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ kiện Hôn nhân gia đình thụ lý số **384/2018/TLST-HNGĐ**, ngày 05 tháng 12 năm 2018; Về việc: “*Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1987

HKTT: ấp TS.1, thị trấn NS, huyện TS, An Giang.

Nơi cư trú: KDC ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1975;

HKTT: ấp TH, xã BT, huyện TS, An Giang.

Nơi cư trú: KDC ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, An Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L ngày 10/10/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung như sau: Chị Trần Thị L sống chung với anh Nguyễn Văn R từ năm 2005, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 140

ngày 02/8/2010). Vợ chồng sống hạnh phúc và có được 02 con chung tên là Nguyễn Trúc P, sinh ngày 07/7/2007 và Nguyễn Trúc H, sinh ngày 14/5/2014; Thời gian sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi và tính tình không còn hợp nhau nên không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống được nữa và đã sống ly thân khoảng 09 tháng nay.

Nay chị Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn R; Về con chung yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh R cấp dưỡng; Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Theo bản khai của bị đơn anh Nguyễn Văn R ngày 17/01/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung như sau:* Anh Nguyễn Văn R thừa nhận có sống chung với chị Trần Thị L từ năm 2005, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS; Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có được 02 con chung tên là Nguyễn Trúc P và Nguyễn Trúc H như vợ trình bày. Thời gian gần đây vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ hay bỏ đi chơi đêm và không còn tin tưởng nhau nên đã sống ly thân gần 01 năm nay và cuộc sống không hạnh phúc.

Nay vợ là Trần Thị L yêu cầu ly hôn thì anh Nguyễn Văn R đồng ý; Con chung không chấp nhận giao vợ nuôi hết mà yêu cầu được nuôi cháu nhỏ Nguyễn Trúc H và đồng ý giao cháu Nguyễn Trúc P cho vợ nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung: Có căn nhà nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn R đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 140 ngày 02/8/2010); Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Trần Thị L xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn R, đồng thời phía anh R cũng chấp nhận ly hôn. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh R xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, cả 02 không còn quan tâm và chăm sóc lẫn

nhau và thực tế cả 02 đã sống ly thân nhau và đã thống nhất tự nguyện ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng chị L và anh R đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa 02 người không đạt được nên căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn R.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn R thừa nhận khi sống chung có 02 con chung là Nguyễn Trúc P và Nguyễn Trúc H và chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên phía anh R không đồng ý và cũng có yêu cầu nuôi 02 con chung. Xét thấy, cháu Nguyễn Trúc P có nguyện vọng muốn sống chung với anh R, riêng cháu Nguyễn Trúc H hiện còn nhỏ và là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần xem xét giao cháu Nguyễn Trúc P cho anh Nguyễn Văn R được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Trúc H cho chị Trần Thị L chăm sóc và nuôi dưỡng. Trong trường hợp này, không ai có yêu cầu và tranh chấp về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, nếu tình hình kinh tế và chăm sóc có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn R cho rằng sống chung có một số tài sản nhưng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, đồng thời các bên có quyền khởi kiện để yêu cầu chia tài sản chung nếu không thể thỏa thuận được.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Trần Thị L có yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn R nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn R. Giấy chung nhận đăng ký kết hôn số 140 ngày 02/8/2010 do Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập cấp sẽ không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*:

+ Giao cháu Nguyễn Trúc H sinh ngày 14/5/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện tại cháu H đang sống chung với chị L).

+ Giao cháu Nguyễn Trúc P, sinh ngày 07/7/2007 cho anh Nguyễn Văn R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện tại cháu P đang sống chung với anh R).

+ Chị Trần Thị L, anh Nguyễn Văn R không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Tuy nhiên, các bên phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom và chăm sóc con.

* *Về quan hệ tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Về án phí sơ thẩm*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo phiếu thu số 0009124 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, An Giang; Được khấu trừ nên chị Trần Thị L đã nộp xong.

Báo cho các đương sự tham dự phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND H.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Huy Hùng